

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 0316920211-006

Đăng ký lần đầu, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 21 tháng 05 năm 2026

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NQH ENGLISH

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

721 - 723 Hậu Giang, Phường Bình Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0938111911

Số Fax:

Thư điện tử: nqh.english@gmail.com

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ, chữ đệm và tên: LƯƠNG HUY KHANG

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 12/03/1995

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 079095037431

Địa chỉ liên lạc: 24 Phùng Tá Chu, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NQH ENGLISH

Mã số doanh nghiệp: 0316920211

Địa chỉ trụ sở chính: 70 Nguyễn Quang Bích, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Số: /QĐ-SGDĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép thành lập Trung tâm ngoại ngữ Nguyễn Quốc Hiệu 2

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Theo đề nghị của bà Chế Ngọc Bảo Trân – Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Giáo dục NQH English và của Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép thành lập Trung tâm ngoại ngữ Nguyễn Quốc Hiệu 2

1. Trung tâm ngoại ngữ Nguyễn Quốc Hiệu 2 hoạt động tại địa chỉ: 721-723 Hậu Giang, phường Bình Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: 721-723 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Trung tâm ngoại ngữ Nguyễn Quốc Hiệu 2 là cơ sở giáo dục thường xuyên loại hình tư thực, có con dấu, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của Nhà nước; chịu sự quản lý và chỉ đạo trực tiếp của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nội dung chương trình giáo dục thực hiện tại trung tâm:

a) Môn dạy: tiếng Anh.

b) Chương trình giảng dạy: tiếng Anh Bậc 1, Bậc 2, Bậc 3, Bậc 4 và Bậc 5 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc quy đổi tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Hoạt động dạy học được tổ chức theo hình thức dạy học trực tiếp.

Điều 2. Trách nhiệm của Trung tâm ngoại ngữ Nguyễn Quốc Hiệu 2, Giám đốc Trung tâm ngoại ngữ Nguyễn Quốc Hiệu 2 và Công ty TNHH Phát triển Giáo dục NQH English

1. Trung tâm ngoại ngữ Nguyễn Quốc Hiệu 2 và Giám đốc Trung tâm ngoại ngữ Nguyễn Quốc Hiệu 2 có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

b) Thực hiện công bố công khai và có trách nhiệm giải trình các cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính của trung tâm theo quy định hiện hành.

c) Thực hiện công tác lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

2. Công ty TNHH Phát triển Giáo dục NQH English có trách nhiệm:

a) Tổ chức và hoạt động Trung tâm ngoại ngữ Nguyễn Quốc Hiệu 2 theo đúng chương trình giáo dục nêu tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 Quyết định này.

b) Chịu trách nhiệm và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Trung tâm ngoại ngữ Nguyễn Quốc Hiệu 2.

c) Chịu trách nhiệm giải quyết những vấn đề liên quan đến nhân sự, người học; xử lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất của Trung tâm ngoại ngữ Nguyễn Quốc Hiệu 2.

d) Chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý giáo dục theo quy định.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1632/QĐ-SGDĐT ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về cho phép thành lập Trung tâm ngoại ngữ Nguyễn Quốc Hiệu 2.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Phòng Quản lý cơ sở giáo dục ngoài công lập, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Phòng Giáo dục Thường xuyên – Nghề nghiệp và Đại học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Công ty TNHH Phát triển Giáo dục NQH English, Trung tâm ngoại ngữ Nguyễn Quốc Hiệu 2 và Giám đốc Trung tâm ngoại ngữ Nguyễn Quốc Hiệu 2 có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Phó Giám đốc phụ trách;
- UBND phường Bình Phú;
- Lưu: VT, TCCB (HB).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu

Số: /QĐ-SGDĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận Giám đốc
Trung tâm ngoại ngữ Nguyễn Quốc Hiệu 2

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 1394/QĐ-SGDĐT ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép thành lập Trung tâm ngoại ngữ Nguyễn Quốc Hiệu 2;

Theo đề nghị của bà Chế Ngọc Bảo Trân – Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Giáo dục NQH English và của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận ông Lương Huy Khang

Giữ nhiệm vụ: Giám đốc - Trung tâm ngoại ngữ Nguyễn Quốc Hiệu 2;

Nhiệm kỳ: 05 năm.

Điều 2. Ông Lương Huy Khang có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm ngoại ngữ, tin học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các văn bản về tổ chức quản lý hoạt động trung tâm ngoại ngữ, tin học của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố ban hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Quản lý cơ sở giáo dục ngoài công lập, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng

Giáo dục Thường xuyên – Nghề nghiệp và Đại học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Công ty TNHH Phát triển Giáo dục NQH English, Trung tâm ngoại ngữ Nguyễn Quốc Hiệu 2 và ông Lương Huy Khang có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Phó Giám đốc phụ trách;
- UBND phường Bình Phú;
- Lưu: VT, TCCB (HB).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0316920211

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 06 năm 2021

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 09 tháng 05 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NQH ENGLISH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NQH ENGLISH DEVELOPMENT EDUCATION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH PT GD NQH ENGLISH

2. Địa chỉ trụ sở chính

70 Nguyễn Quang Bích, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0938111911

Fax:

Email: *nqh.english@gmail.com*

Website: *http://nqh.edu.vn*

3. Vốn điều lệ : 3.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	CHÉ NGỌC BẢO TRẦN	Việt Nam	13/16 Tân Quý, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	1.800.000.000	60,000	087178000398	

2	NGUYỄN QUỐC HIỆU	Việt Nam	Nghĩa Trung, Thị Trấn Cam Đức, Huyện Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	900.000.000	30,000	225371403	
3	LƯƠNG HUY KHANG	Việt Nam	24 Phùng Tá Chu, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	300.000.000	10,000	025463650	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: CHẾ NGỌC BẢO TRẦN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/10/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 087178000398

Ngày cấp: 10/02/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: 13/16 Tân Quý, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 13/16 Tân Quý, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Võ Cẩm Tú

Số 28/05 NQHENGLISH

QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH QUY CHẾ

(V/v Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Công Ty TNHH Phát Triển Giáo Dục NQH ENGLISH)

Căn cứ Quyết định ban hành quy chế ngày 20 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH Phát Triển Giáo Dục NQH ENGLISH ;

Căn cứ Luật Giáo Dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Quyết định ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Công Ty TNHH Phát Triển Giáo Dục NQH ENGLISH

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 06 năm 2021

Điều 3: Các Ông/Bà Ban Điều Hành, Trưởng các phòng ban, Bộ Phận thuộc Công Ty TNHH Phát Triển Giáo Dục NQH ENGLISH có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn nhân viên trong Bộ phận mình tiếp nhận và thi hành Quyết định.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Lưu VP, HĐQT

TP.HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Chế Ngọc Bảo Trâm

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NQH ENGLISH



QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC
NQH ENGLISH



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

TP.HCM, ngày 28 tháng 06 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NQH ENGLISH

Quy chế hoạt động Hội đồng thành viên (HĐTV) Công ty TNHH Phát Triển Giáo Dục NQH English là tài liệu được soạn thảo bởi HĐTV của Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ điều lệ được HĐTV thông qua ngày 28 tháng 06 năm 2021 theo quy định pháp luật; và các thông lệ chung.

Quy chế hoạt động của HĐTV đóng vai trò chính trong việc kết nối và duy trì hệ thống làm việc giữa HĐTV và Ban điều hành (BDH), giữa HĐTV và Ban kiểm soát.

Mục đích chính của quy chế này là:

- Đảm bảo những nguyên tắc và trách nhiệm trong hoạt động điều hành, quản lý công ty.
- Đảm bảo sự nhất quán trong việc duy trì những tiêu chí thích hợp về hoạt động, tổ chức, kiểm soát và quản lý.
- Tuân theo những yêu cầu luật pháp ở Việt Nam và Điều lệ công ty.

Quy chế hoạt động HĐTV còn là tài liệu trong hệ thống tài liệu mang tính kiểm soát có hệ thống của Công ty:

Tài liệu làm việc cho thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Công ty.

Tài liệu tham khảo cho những người thừa hành đang làm việc tại Công ty áp dụng quyền làm việc chính đáng của mình.

Ngoài ra, những ai đang nắm giữ những vị trí quản lý trong tổ chức cũng nên quan tâm đến Quy chế hoạt động này.

MỤC LỤC

Các thuật ngữ sử dụng trong quy chế.....	4
Các thuật ngữ viết tắt.....	4
Duy trì và xem xét lại quy chế hoạt động Hội đồng thành viên	4
CHƯƠNG I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1	5
Điều 2	5
Điều 3	5
Điều 4	5
CHƯƠNG II – NHỮNG QUI ĐỊNH CỤ THỂ.....	5
Điều 5. Vốn điều lệ, phần vốn góp của thành viên công ty	5
Điều 6. Góp vốn thành lập công ty và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp	6
Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên	7
7.1 Quyền của thành viên Hội đồng thành viên	7
7.2 Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên	8
Điều 8. Mua lại phần vốn góp	9
Điều 9 Chuyển nhượng phần vốn góp	9
Điều 10 Cơ cấu tổ chức quản lý	10
Điều 11. Hội đồng thành viên.....	10
Điều 12 Chủ tịch Hội đồng thành viên	11
Điều 13 Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc)	12
Điều 14 Điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên	13
Điều 15 Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên	14
Điều 16 Thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên	14
Điều 17 Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên	15
Điều 18 Thù lao, tiền lương và thưởng của thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc)	16
Điều 19. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ	16
Điều 20 Chế độ làm việc của Hội đồng thành viên	16
Điều 21	17
CHƯƠNG III- MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC.....	17
Điều 22 : Mối quan hệ giữa HĐTV với Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	17

CHƯƠNG IV - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	18
Điều 23 :	18

CÁC THUẬT NGỮ SỬ DỤNG TRONG QUY CHẾ

Ban Tổng giám đốc: bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó tổng giám đốc công ty.

Giám đốc bộ phận: là lãnh đạo các bộ phận.

Ban điều hành : bao gồm Ban Tổng Giám đốc và Các Giám đốc bộ phận.

CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Hội đồng thành viên : HĐTV

Ban kiểm soát : BKS

Ban Tổng Giám đốc : BTGD

Ban điều hành : BDH

DUY TRÌ VÀ XEM XÉT LẠI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Cải tiến và đề xuất ý kiến:

Các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên và Ban điều hành trong Công ty có trách nhiệm trong việc duy trì quy chế hoạt động của HĐTV.

Những ý kiến cải tiến hoặc hiệu chỉnh thông tin trong quy chế hoạt động của HĐTV luôn được đón nhận. Những ý kiến này nên được viết ra và đệ trình lên Chủ tịch HĐTV để xem xét.

Xem xét lại:

Thông thường việc cập nhật quy chế này được thực hiện vào quý 4 hàng năm (nếu cần thiết). Chủ tịch HĐTV sẽ kiểm tra lại những thay đổi được đề xuất và trình cho Hội đồng thành viên họp thông qua trước khi có bất kỳ sự thay đổi nào được tiến hành.

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NQH ENGLISH**

(Ban hành theo quyết định số : / QĐ – HĐTV/TP.HCM, ngày 28/06/2021
của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Phát Triển Giáo Dục NQH English)

CHƯƠNG I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 : Quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Phát Triển Giáo Dục NQH English quy định cụ thể chế độ phân công, phân cấp trách nhiệm, quy trình làm việc và các mối quan hệ công tác của HĐTV để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐTV được quy định trong Điều lệ Công ty TNHH Phát Triển Giáo Dục NQH English được HĐTV thông qua ngày 28 tháng 06 năm 2021.

Điều 2 : HĐTV thực hiện các chức năng hoạch định, định hướng, kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty, tạo điều kiện cho Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐTV theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại điều 12 đến điều 13 Điều lệ Công ty TNHH Phát Triển Giáo Dục NQH English.

Điều 3 : HĐTV hoạt động theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Tất cả các thành viên HĐTV chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước HĐTV.

Điều 4 : Tổng giám đốc là người tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐTV, chủ động điều hành kinh doanh theo Chiến lược, Điều lệ Công ty TNHH Phát Triển Giáo Dục NQH English.

CHƯƠNG II – NHỮNG QUI ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Vốn điều lệ, phần vốn góp của thành viên công ty

1. Vốn điều lệ của công ty là: 3.000.000.000 đồng (Ghi bằng chữ: Ba tỉ đồng), trong đó bao gồm:

- Tiền Việt Nam: 3.000.000.000 đồng (Ghi bằng chữ: Ba tỉ đồng)
- Ngoại tệ tự do chuyển đổi:
- Vàng:
- Tài sản khác:

Vốn điều lệ có thể tăng hoặc giảm do yêu cầu tình hình hoạt động của Công ty và do quyết định của Hội đồng thành viên.

2. Phần vốn góp, giá trị phần vốn góp của các thành viên, thời hạn góp vốn:

Stt	Tên thành viên	Vốn góp			Thời hạn góp vốn	Ghi chú
		Phần vốn góp (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài: bằng số, loại ngoại tệ, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn		
1	Chế Ngọc Bảo Trân	1.800.000.000VND	60%	Tiền VNĐ	28/06/2021	
2	Nguyễn Quốc Hiệu	900.000.000 VND	30%	Tiền VNĐ	28/06/2021	
3	Lương Huy Khang	300.000.000VND	10%	Tiền VNĐ	28/06/2021	

Điều 6. Góp vốn thành lập công ty và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp

1. Vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên khi đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng giá trị phần vốn góp của các thành viên cam kết góp và ghi trong Điều lệ công ty.

2. Thành viên phải góp vốn cho công ty đủ và đúng loại tài sản đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không kể thời gian vận chuyển, nhập khẩu tài sản góp vốn, thực hiện thủ tục hành chính để chuyển quyền sở hữu tài sản. Trong thời hạn này, thành viên có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp đã cam kết. Thành viên công ty chỉ được góp vốn cho công ty bằng loại tài sản khác với tài sản đã cam kết nếu được sự tán thành của trên 50% số thành viên còn lại.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này mà vẫn có thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ phần vốn góp đã cam kết thì được xử lý như sau:

- Thành viên chưa góp vốn theo cam kết đương nhiên không còn là thành viên của công ty;
- Thành viên chưa góp đủ phần vốn góp đã cam kết có các quyền tương ứng với phần vốn góp đã góp;

c) Phần vốn góp chưa góp của các thành viên được chào bán theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.

4. Trường hợp có thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết, công ty phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên bằng số vốn đã góp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ phần vốn góp theo quy định tại khoản 2 Điều này. Các thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết phải chịu trách nhiệm tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước ngày công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và tỷ lệ phần vốn góp của thành viên.

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, người góp vốn trở thành thành viên của công ty kể từ thời điểm đã thanh toán phần vốn góp và những thông tin về người góp vốn quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 48 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên. Tại thời điểm góp đủ phần vốn góp, công ty phải cấp giấy chứng nhận phần vốn góp cho thành viên tương ứng với giá trị phần vốn đã góp.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên

7.1 Quyền của thành viên Hội đồng thành viên

1. Thành viên Hội đồng thành viên có các quyền sau đây:

- a) Tham dự họp Hội đồng thành viên, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;
- b) Có số phiếu biểu quyết tương ứng với phần vốn góp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 47 của Luật Doanh nghiệp;
- c) Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi công ty đã nộp đủ thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- d) Được chia giá trị tài sản còn lại của công ty tương ứng với phần vốn góp khi công ty giải thể hoặc phá sản;
- đ) Được ưu tiên góp thêm vốn vào công ty khi công ty tăng vốn điều lệ;
- e) Định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ, tặng cho và hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

g) Tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật và người quản lý khác theo quy định tại Điều 72 của Luật Doanh nghiệp;

h) Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các quyền quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên, nhóm thành viên sở hữu từ 10% số vốn điều lệ trở lên hoặc thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền;

b) Kiểm tra, xem xét, tra cứu sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;

c) Kiểm tra, xem xét, tra cứu và sao chụp sổ đăng ký thành viên, biên bản họp, nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên và tài liệu khác của công ty;

d) Yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc họp Hội đồng thành viên, nếu trình tự, thủ tục, điều kiện cuộc họp hoặc nội dung nghị quyết, quyết định đó không thực hiện đúng hoặc không phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp công ty có một thành viên sở hữu trên 90% vốn điều lệ thì nhóm thành viên còn lại đương nhiên có quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này.

7.2 Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên

1. Góp đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 47 của Luật Doanh nghiệp.

2. Không được rút vốn đã góp ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp quy định tại các điều 51, 52, 53 và 68 của Luật Doanh nghiệp.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty để thực hiện các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho người khác;

c) Thanh toán khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

6. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Mua lại phần vốn góp

1. Thành viên có quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp của mình nếu thành viên đó đã bỏ phiếu không tán thành đối với nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên về vấn đề sau đây:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của thành viên, Hội đồng thành viên;

b) Tổ chức lại công ty;

2. Yêu cầu mua lại phần vốn góp phải bằng văn bản và được gửi đến công ty trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua nghị quyết, quyết định quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên quy định tại khoản 1 Điều này thì công ty phải mua lại phần vốn góp của thành viên đó theo giá thị trường hoặc giá được xác định do hai bên thỏa thuận được về giá. Việc thanh toán chỉ được thực hiện nếu sau khi thanh toán đủ phần vốn góp được mua lại, công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

4. Trường hợp công ty không thanh toán được phần vốn góp được yêu cầu mua lại theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thành viên đó có quyền tự do chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho thành viên khác hoặc người không phải là thành viên công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng phần vốn góp

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 51, khoản 6 và khoản 7 Điều 53 của Luật Doanh nghiệp, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác theo quy định sau đây:

a) Chào bán phần vốn góp đó cho các thành viên còn lại theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong công ty với cùng điều kiện chào bán;

b) Chuyển nhượng với cùng điều kiện chào bán đối với các thành viên còn lại quy định tại điểm a khoản này cho người không phải là thành viên nếu các thành viên còn lại của công ty không mua hoặc không mua hết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chào bán.

2. Thành viên chuyển nhượng vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với công ty tương ứng với phần vốn góp có liên quan cho đến khi thông tin về người mua quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 48 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên.

3. Trường hợp chuyển nhượng hoặc thay đổi phần vốn góp của các thành viên dẫn đến chỉ còn một thành viên công ty thì công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng.

Điều 10 : Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm có:

- Hội đồng thành viên;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên;
- Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc).

Điều 11. Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, bao gồm tất cả thành viên công ty là cá nhân và người đại diện theo ủy quyền của thành viên công ty là tổ chức. Hội đồng thành viên phải họp 2 lần mỗi năm.

2. Hội đồng thành viên có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- b) Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động thêm vốn; quyết định phát hành trái phiếu;
- c) Quyết định dự án đầu tư phát triển của công ty; giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ;
- d) Thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản và hợp đồng khác có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của công ty;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc), Kế toán trưởng;

e) Quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc), Kế toán trưởng;

g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của công ty;

h) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

i) Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện;

k) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

l) Quyết định tổ chức lại công ty;

m) Quyết định giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 12. Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên bầu một thành viên làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc) công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên;

c) Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên;

d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;

đ) Thay mặt Hội đồng thành viên ký nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên vắng mặt hoặc không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Trường hợp không có thành viên được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì một trong số các thành viên Hội đồng thành viên triệu tập họp các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời làm Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên.

Điều 13. Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc)

1. Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc) là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc) có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;
- b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý trong công ty, trừ chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;
- e) Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên;
- g) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;
- h) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Hội đồng thành viên;
- i) Kiến nghị phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- k) Tuyển dụng lao động;

1) Quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, hợp đồng lao động.

Điều 14. Điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên

1. Cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành khi có số thành viên dự họp sở hữu từ 65% vốn điều lệ trở lên.

2. Trường hợp cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì việc triệu tập họp Hội đồng thành viên được thực hiện như sau:

a) Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên dự họp sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;

b) Trường hợp cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản này, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc số thành viên dự họp và số vốn điều lệ được đại diện bởi số thành viên dự họp.

3. Thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên phải tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên. Thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên, hình thức biểu quyết do Điều lệ công ty quy định.

4. Trường hợp cuộc họp đủ điều kiện quy định tại Điều này không hoàn thành chương trình họp trong thời hạn dự kiến thì có thể kéo dài nhưng không được quá 30 ngày kể từ ngày khai mạc cuộc họp đó.

Điều 15. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên thông qua nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết, quyết định về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ công ty;

- b) Quyết định phương hướng phát triển công ty;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc);
- d) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- đ) Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Được các thành viên dự họp sở hữu từ 65% tổng số vốn góp của tất cả thành viên dự họp trở lên tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;
- b) Được các thành viên dự họp sở hữu từ 75% tổng số vốn góp của tất cả thành viên dự họp trở lên tán thành đối với nghị quyết, quyết định bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty.

4. Thành viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua cuộc họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

5. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi được số thành viên sở hữu từ 65% vốn điều lệ trở lên tán thành.

Điều 16. Thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng thành viên bằng văn bản đề thông qua nghị quyết, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền;

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo, gửi các báo cáo, tờ trình về nội dung cần quyết định, dự thảo nghị quyết, quyết định và phiếu lấy ý kiến đến các thành viên Hội đồng thành viên;

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính;

b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên Hội đồng thành viên;

c) Vấn đề cần lấy ý kiến và ý kiến trả lời tương ứng theo thứ tự tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

d) Thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về công ty;

đ) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thành viên;

4. Phiếu lấy ý kiến có nội dung đầy đủ, có chữ ký của thành viên Hội đồng thành viên và được gửi về công ty trong thời hạn quy định được coi là hợp lệ. Chủ tịch Hội đồng thành viên tổ chức việc kiểm phiếu, lập báo cáo và thông báo kết quả kiểm phiếu, nghị quyết, quyết định được thông qua đến các thành viên trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn mà thành viên phải gửi ý kiến về công ty. Báo cáo kết quả kiểm phiếu có giá trị tương đương biên bản họp Hội đồng thành viên và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Mục đích, nội dung lấy ý kiến;

b) Họ, tên, tỷ lệ phần vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên đã gửi lại phiếu lấy ý kiến hợp lệ; họ, tên, tỷ lệ phần vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên mà công ty không nhận lại được phiếu lấy ý kiến hoặc gửi lại phiếu lấy ý kiến nhưng không hợp lệ;

c) Vấn đề được lấy ý kiến và biểu quyết; tóm tắt ý kiến của thành viên về từng vấn đề lấy ý kiến (nếu có);

d) Tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ, không hợp lệ, không nhận được; tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết;

đ) Nghị quyết, quyết định được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của người kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng thành viên. Người kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm liên đới về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của nội dung báo cáo kết quả kiểm phiếu.

Điều 17. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên

1. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi tại nghị quyết, quyết định đó.

2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua bằng 100% tổng số vốn điều lệ là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả trong trường hợp trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định đó không được thực hiện đúng quy định.

3. Trường hợp thành viên, nhóm thành viên yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành theo quy định tại khoản 1 Điều này cho đến khi có quyết định hủy bỏ của Tòa án hoặc Trọng tài có hiệu lực pháp luật, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 18. Thù lao, tiền lương và thưởng của thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc)

1. Công ty trả thù lao, tiền lương và thưởng cho Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc) và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc) và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty

Điều 19. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Các tranh chấp nội bộ giữa Công ty với thành viên của Công ty, giữa các thành viên Công ty với nhau liên quan đến thành lập, hoạt động, giải thể Công ty trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải.

2. Trường hợp giải quyết tranh chấp nội bộ theo phương thức thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

Điều 20 : Chế độ làm việc của Hội đồng thành viên.

1. HĐQT sử dụng bộ máy và cơ sở vật chất của Công ty để thực hiện công việc hàng ngày, Tổ giúp việc HĐQT là đầu mối quan hệ giữa HĐQT với các bộ phận trong và ngoài công ty, nhiệm vụ cụ thể của tổ giúp việc do Chủ tịch HĐQT phân công.
2. Văn phòng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển toàn bộ công văn tài liệu của HĐQT theo đúng địa chỉ.
3. Chủ tịch HĐQT có thể làm việc trực tiếp với các bộ phận, phòng ban, đơn vị để thực hiện các chức năng quản lý và kiểm tra của Chủ tịch HĐQT nhưng không được làm ảnh hưởng đến chức năng điều hành kinh doanh của Công ty.
4. Giám Đốc bộ phận, các đơn vị trực thuộc của Công ty có trách nhiệm cung cấp các tài liệu, văn bản về công tác quản lý, điều hành kinh doanh cho Chủ tịch HĐQT khi có yêu cầu của Chủ tịch HĐQT.
5. Các văn bản của Công ty trình HĐQT, Chủ tịch HĐQT phải do Tổng Giám đốc ký hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác trong Ban điều hành ký tên.
6. Các Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, đề xuất, kiến nghị bằng văn bản liên quan đến hoạt động của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc.

Điều 21 : Các quyết định về đầu tư tài chính, xây dựng cơ bản, kinh doanh, nhân sự... thuộc thẩm quyền của HĐQT, sẽ được giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc bằng những **ng nghị quyết** cụ thể của HĐQT.

CHƯƠNG III- MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 22 : Mối quan hệ giữa HĐQT với Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và BKS: Các cuộc họp của HĐQT nếu cần thiết có thể mời BKS tham dự, góp ý kiến nhưng BKS không được biểu quyết. Chủ tịch HĐQT xử lý các vấn đề do BKS kiến nghị và trao đổi với BKS các vấn đề cần trình cuộc họp HĐQT; định kỳ 6 tháng Trưởng Ban kiểm soát phải gửi báo cáo kiểm soát tổng hợp các vấn đề cần lưu cho HĐQT về hoạt động kinh doanh cũng như công tác quản lý tài chính của Ban điều hành và các quy chế ban hành đã và đang áp dụng.

2. Mối quan hệ giữa HĐQT và Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT, có quyền tham dự các phiên họp của HĐQT nhưng không được biểu quyết. Tổng Giám đốc có quyền từ chối thực hiện những quyết định của HĐQT, Chủ tịch HĐQT nếu quyết định đó trái pháp luật hoặc trái với Điều lệ của công ty. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc cung cấp tài liệu, thông tin về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của các đơn vị trong Công ty. Đối với các yêu cầu không thường xuyên phải thể hiện bằng văn bản.

3. Lịch làm việc thường kỳ của HĐQT, Chủ tịch HĐQT:

- HĐQT họp thường niên mỗi năm 2 lần (thông lệ là tháng 11 và tháng 5).
- Chủ tịch HĐQT làm việc trực tiếp với BGD mỗi quý (đầu tháng của quý sau)
- Chủ tịch HĐQT làm việc trực tiếp với nhân viên công ty hàng tháng.
- Thời gian và ngày làm việc cụ thể do Chủ tịch HĐQT sắp xếp và thông nhất với TGD.

CHƯƠNG IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23 : Quy chế này bao gồm 23 điều, có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành.

Các thành viên HĐQT, Tổ giúp việc, Thư ký HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các bộ phận, đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành quy chế này. Những điểm không có trong quy chế hoặc chưa phù hợp với Điều lệ thì thực hiện theo Điều lệ công ty. Trong quá trình thực hiện quy chế này, nếu xét thấy cần sửa đổi cho phù hợp với tình hình kinh doanh hoặc Pháp luật hiện hành thì HĐQT sẽ xem xét quyết định.